

Số: 506 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch của Bộ Giao thông vận tải thực hiện Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch của Bộ Giao thông vận tải thực hiện Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng các Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Công an;
- Các Thứ trưởng;
- Công thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KHĐT HIEUPT

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thắng

KẾ HOẠCH CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
GẮN VỚI BẢO VỆ AN NINH, QUỐC PHÒNG ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 506 /QĐ-BGTVT ngày 03 tháng 05 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên (sau đây gọi tắt là Quyết định số 104) bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu của Đề án.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức ngành giao thông vận tải trong nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên.

2. Yêu cầu

Phù hợp kế hoạch đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông chung của ngành giao thông vận tải, khả năng huy động nguồn lực của quốc gia, của ngành và phù hợp với xu thế phát triển của ngành, đất nước; bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực hiện.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ của Quyết định số 104, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các đơn vị thuộc Bộ cần chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Quyết định số 104, trong đó tập trung các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tổ chức quán triệt về Kế hoạch thực hiện Quyết định số 104

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt Kế hoạch thực hiện đến toàn thể đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý để tạo sự thống nhất cao trong nhận thức ở tất cả các cấp về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng Tây Nguyên.

Thông nhất quan điểm tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên, nhất là các tuyến đường giao thông huyết mạch giữa các tỉnh, giữa vùng Tây Nguyên với vùng Đông Nam Bộ và duyên hải miền Trung; kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa, đường đến trung tâm các xã, thôn, bản đường liên thôn; kết nối quốc tế trong khuôn khổ Hợp tác tiểu vùng Mê Công, khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia và các nước ASEAN.

Cơ quan chủ trì: các đơn vị trực thuộc Bộ GTVT.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

2. Hoàn thiện thể chế, quy hoạch

- Phối hợp với các bộ ngành trong quá trình rà soát, điều chỉnh các quy định

pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư... để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong đầu tư xây dựng; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, huy động tối đa các nguồn lực để tạo đột phá cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trong đó đầu tư công phát huy vai trò dẫn dắt, kích hoạt hiệu quả các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước.

- Phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong quá trình lập quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải theo Luật Quy hoạch, bảo đảm tích hợp nội dung các quy hoạch ngành giao thông vận tải vào quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

Cơ quan chủ trì: (1) Vụ Kế hoạch - Đầu tư chủ trì, phối hợp Vụ Pháp chế về xây dựng cơ chế, chính sách; (2) Vụ Kế hoạch - Đầu tư chủ trì về quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông.

Cơ quan phối hợp: các Vụ, Cục, Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải.

Thời gian thực hiện: thường xuyên và theo thời kỳ quy hoạch.

3. Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng Tây Nguyên

- Tăng cường phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thi công và các dự án đã huy động được nguồn vốn bảo đảm chất lượng, tiến độ.

- Ưu tiên phát triển các tuyến đường bộ và hàng không, tập trung tháo gỡ những điểm nghẽn về giao thông của Vùng để bảo đảm tính chất lan tỏa, liên vùng hình thành kết nối Tây Nguyên với duyên hải Trung Bộ và Đông Nam Bộ để khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng Tây Nguyên.

- Phối hợp, hỗ trợ địa phương trong quá trình nghiên cứu, đầu tư các tuyến cao tốc: Quy Nhơn - Pleiku, Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột, Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương, Gia Nghĩa - Chơn Thành, một số đoạn cao tốc thuộc tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây; mở rộng các Cảng hàng không Liên Khương, Pleiku và Buôn Ma Thuột; khôi phục, cải tạo tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt; tuyến đường sắt kết nối Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước)...

Cơ quan chủ trì: Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Cục Quản lý đầu tư xây dựng, Cục Hàng không Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam và Cục Đường cao tốc Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Cơ quan phối hợp: các Vụ, Cục, Sở GTVT, Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải.

Thời gian thực hiện: theo tiến trình đầu tư của quy hoạch phê duyệt.

4. Huy động nguồn lực đầu tư phát triển giao thông vận tải vùng

- Phối hợp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên; hướng dẫn, phối hợp công tác đầu tư kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa, đường đến trung tâm các xã, thôn, bản, đường liên thôn.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các công trình giao thông để phát huy tính chủ động của các địa phương, huy động tối đa mọi nguồn lực cho

đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

- Phối hợp, hỗ trợ địa phương trong việc xúc tiến, kêu gọi mọi nguồn vốn hợp pháp để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng, bao gồm các trung tâm logistics, cảng cạn gắn với các đầu mối vận tải lớn.

Cơ quan chủ trì: (1) Vụ Kế hoạch - Đầu tư.

Cơ quan phối hợp thực hiện: các Vụ, các Cục.

Thời gian thực hiện: theo kế hoạch giao vốn đầu tư của cấp thẩm quyền.

5. Các giải pháp, chính sách phát triển kết cấu hạ tầng giao thông

- Ban hành kế hoạch xác định lộ trình cụ thể theo năm thực hiện Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên tại Phụ lục kèm theo.

- Khai thác có hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông hiện có. Tổ chức giao thông khoa học, hiệu quả; xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông nhằm bảo đảm duy trì chất lượng công trình, khắc phục kịp thời các hư hỏng, sự cố, điểm đen tiềm ẩn nguy cơ gây mất an toàn giao thông; đẩy mạnh việc quản lý bảo vệ hành lang an toàn giao thông và khai thác hiệu quả đất hành lang an toàn đường bộ.

- Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành, thiết kế, xây dựng, tổ chức giao thông, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông góp phần đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng, hạ giá thành công trình; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới.

- Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong các lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu, bảo trì... trong ngành giao thông vận tải. Nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật đường bộ phù hợp với tiêu chuẩn đường bộ của ASEAN để bảo đảm sự kết nối và hội nhập quốc tế.

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ nhu cầu vận tải, bảo đảm an toàn giao thông gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường, tích hợp, lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả từ khi lập quy hoạch, dự án.

- Phối hợp chặt chẽ giữa Bộ GTVT và địa phương trong việc thúc đẩy triển khai các dự án kết nối hạ tầng giao thông giữa Việt Nam với các nước trong khu vực Tiểu vùng sông Mê Công, nhất là trong khuôn khổ Hợp tác tiểu vùng Mê Công, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia và các nước ASEAN.

Cơ quan chủ trì: (1) Vụ Kế hoạch - Đầu tư chủ trì về kế hoạch vốn, chủ trương đầu tư (dự án Bộ là cơ quan chủ quản); (2) Cục Quản lý đầu tư xây dựng và Cục Đường cao tốc Việt Nam chủ trì trong giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu khả thi và thực hiện đầu tư (dự án Bộ là cơ quan chủ quản); hỗ trợ kỹ thuật các địa phương trong quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư (dự án do địa phương là cơ quan chủ quản); (3) Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường chủ trì về phát triển khoa học công nghệ, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, công tác bảo vệ môi trường; (4) Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì triển khai các chương trình hợp tác với Lào, Cam-pu-chia và các nước ASEAN.

Cơ quan phối hợp: các Vụ, các Cục.

Thời gian thực hiện: thường xuyên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Vụ, Cục Quản lý chuyên ngành và các đơn vị thuộc Bộ GTVT căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức triển khai, thực hiện các giải pháp chủ yếu trong Kế hoạch này và nhiệm vụ được giao tại các Đề án, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT đã ban hành nhằm phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh, quốc phòng địa bàn Tây Nguyên hiệu quả.

2. Vụ Kế hoạch - Đầu tư là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này từ các đơn vị gửi Bộ GTVT; tham mưu cho Lãnh đạo Bộ chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị liên quan chủ động giải quyết, hướng dẫn thực hiện; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Bộ GTVT để chỉ đạo giải quyết kịp thời./.

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG KHU VỰC TÂY NGUYÊN ĐẾN NĂM 2030

TT	Tên dự án	Chiều dài (Km)	Quy mô quy hoạch (số làn xe)	Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện							Ghi chú
							2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
I	Tuyến đường bộ cao tốc													
I.1	Đang chuẩn bị và thực hiện đầu tư													
1	Quy Nhơn - Pleiku	180	4	54.000	NSNN và các nguồn huy động khác	Địa phương								
	- Giai đoạn chuẩn bị dự án						x	x	x					
	- Giai đoạn thực hiện dự án								x	x	x	x	x	
	- Giai đoạn khai thác sử dụng												x	
2	Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật	118	4	21.935	NSNN và các nguồn huy động khác	Bộ GTVT/Địa phương								
	- Giai đoạn chuẩn bị dự án						Đã hoàn thành							
	- Giai đoạn thực hiện dự án						x	x	x					
	- Giai đoạn khai thác sử dụng									x				
3	Gia Nghĩa - Chơn Thành	129	6	25.540	NSNN và các nguồn huy động khác	Địa phương								
	- Giai đoạn chuẩn bị dự án						x	x						
	- Giai đoạn thực hiện dự án							x	x					

TT	Tên dự án	Chiều dài (Km)	Quy mô quy hoạch (số làn xe)	Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện							Ghi chú	
							2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030		
	- Giai đoạn khai thác sử dụng										X				
4	Tân Phú - Bảo Lộc	67	4	18.120	NSNN và các nguồn huy động khác	Địa phương									
	- Giai đoạn chuẩn bị dự án						X								
	- Giai đoạn thực hiện dự án							X	X	X					
	- Giai đoạn khai thác sử dụng										X				
5	Bảo Lộc - Liên Khương	74	4	19.521	NSNN và các nguồn huy động khác	Địa phương									
	- Giai đoạn chuẩn bị dự án						X	X							
	- Giai đoạn thực hiện dự án								X	X	X				
	- Giai đoạn khai thác sử dụng											X			
I.2	Đang nghiên cứu đầu tư và bổ sung quy hoạch														
1	Quảng Ngãi - Kon Tum					Bộ GTVT/Địa phương									Đang đề xuất bổ sung tuyến vào quy hoạch ngành quốc gia
	- Bổ sung vào Quy hoạch						X	X							
2	Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây				NSNN và các nguồn huy động khác	Bộ GTVT/Địa phương									Theo Nghị quyết 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội, tiến trình đầu tư tuyến sau năm 2030.
2.1	Ngọc Hồi - Pleiku	90	6	18.900			Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư								
2.2	Pleiku - Buôn Ma Thuột	160	6	33.600			Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư								

TT	Tên dự án	Chiều dài (Km)	Quy mô quy hoạch (số làn xe)	Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện							Ghi chú
							2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
2.3	Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa	105	6	22.050			Nghiên cứu chuẩn bị đầu tư							
II	Các tuyến Quốc lộ													
1	Nâng cấp Quốc lộ 24 (Kon Tum - Quảng Ngãi) đoạn còn lại	63	Cấp III, 2-4 làn xe	2.500	NSNN	Bộ GTVT								
	- Giai đoạn chuẩn bị dự án						x	x	x					
	- Giai đoạn thực hiện dự án								x	x	x	x		
	- Giai đoạn khai thác sử dụng												x	
III	Đường sắt													
1	Xem xét khôi phục, cải tạo tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt	84	1.000 mm	25.000	NSNN và các nguồn huy động khác	Bộ GTVT	Công tác chuẩn bị đầu tư							Theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ là các tuyến đường sắt mới từng bước xây dựng để kết nối đến năm 2050
2	Đường sắt kết nối Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước)	550	1.435 mm		NSNN và các nguồn huy động khác	Bộ GTVT	Công tác chuẩn bị đầu tư							
IV	Cảng hàng không (CHK)													
1	Nâng cấp CHK Liên Khương		4E	4.591	NSNN và các nguồn huy động khác	Bộ GTVT/Địa phương								
	- Giai đoạn chuẩn bị dự án							x	x	x				
	- Giai đoạn thực hiện dự án								x	x	x	x		
	- Giai đoạn khai thác sử dụng										x	x		
2	Nâng cấp CHK Pleiku		4C	4.583	NSNN và các nguồn huy động khác	Bộ GTVT/Địa phương								

TT	Tên dự án	Chiều dài (Km)	Quy mô quy hoạch (số làn xe)	Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện							Ghi chú
							2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
	- Giai đoạn chuẩn bị dự án							x	x	x				
	- Giai đoạn thực hiện dự án								x	x	x	x		
	- Giai đoạn khai thác sử dụng										x	x		
3	Nâng cấp CHK Buôn Ma Thuột		4C	3.814	NSNN và các nguồn huy động khác	Bộ GTVT/Địa phương								
	- Giai đoạn chuẩn bị dự án							x	x	x				
	- Giai đoạn thực hiện dự án								x	x	x	x		
	- Giai đoạn khai thác sử dụng										x	x		
4	CHK Măng Đen													
	- Bổ sung vào Quy hoạch						x	x						